

Số: /2026/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi; Thông tư 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Nghị quyết số 953/NQ-TTHĐND ngày 01/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết một số nội dung của các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ Mười;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng .....năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở

*chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số ...../BC-HĐND ngày .... tháng ..... năm 2026 của Ban .....Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định khu vực không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi (*trừ động vật nuôi làm cảnh, động vật nuôi trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*); vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác (*trừ động vật nuôi làm cảnh, động vật nuôi trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường*) nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

## **Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được quy định chi tiết tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi đang hoạt động, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều này không được phép coi nới, mở rộng quy mô chăn nuôi và thực hiện di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi.

## **Điều 3. Vùng nuôi chim yến**

Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, đảm bảo phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.

Tuân thủ các quy định tại Điều 64 Luật chăn nuôi; Điều 25 Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Chăn nuôi; Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi; Điều 1 Thông tư 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi**

##### **1. Đối tượng hỗ trợ**

a) Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành (*trước ngày 01/01/2020*) và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp;

b) Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành (*trước ngày 01/01/2020*) và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này ngừng hoạt động chăn nuôi và chuyển đổi nghề.

##### **2. Điều kiện hỗ trợ**

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.
- b) Tự thực hiện tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi.
- c) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang ngành nghề khác phải có chứng chỉ khoá đào tạo do cơ sở đào tạo cấp và cam kết thực hiện nghề đã được đào tạo chuyển đổi ít nhất 5 năm sau khi được hỗ trợ.

##### **3. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

b) Chính sách hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi chuyển đổi ngành nghề, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các cơ sở chăn nuôi đã được nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Nghị quyết số 330/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên và Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh không được nhận hỗ trợ tại Nghị quyết này.

##### **4. Nội dung và mức hỗ trợ**

a) Hỗ trợ một lần không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp, tối đa không quá 400 triệu đồng/một cơ sở chăn nuôi.

b) Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác, mức hỗ trợ không quá 3 tháng lương cơ bản/người.

##### **5. Nguồn Kinh phí**

Nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

- Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm 2026;
- Chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 4, Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày **31/12/2030**

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Khi các văn bản pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa.....Kỳ họp thứ.....thông qua ngày.... tháng... năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã phường;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**

**Khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

<b>STT</b>	<b>Tên xã, phường</b>	<b>Khu vực không được phép chăn nuôi</b>
1	Phường Phố Hiến	Toàn bộ địa bàn phường
2	Phường Hồng Châu	Toàn bộ tổ dân phố Phương độ, tổ dân phố Phố hiến, trục đường Nam tiến, đường Dương hữu Miên, khu dân cư mới Nam tiến
3	Phường Sơn Nam	Đường Trần Quang Khải; đường Lương Ngọc Quyến; đường Tô Chấn; đường Nguyễn Lương Bằng; đường Khu đô thị Tân Phố Hiến; Xuân Phú Hưng; Đường Đinh Điền, đường Lương Văn Can; Phạm Bạch Hồ; Khu DCM Sơn Nam; Khu DCM cạnh Tô Ngọc Vân; Khu DCM Bảo Khê; Khu DCM Hùng Cường; Khu DCM Phú Cường; đường Mạc Đĩnh Chi; Khu vực làng Nghề thôn Cao.
4	Phường Mỹ Hào	Toàn bộ các Tổ dân phố: Phố Nối, Phố Bàn, Văn Nhuế, Cộng Hòa, Phú Đa, Nguyễn Xá, Yên Tập, Lỗ Xá, An Tháp, Quan Cù, Hoàng Lê, Phúc Xá; Khu vực phía Nam sông Bàn – Vũ Xá của các Tổ dân phố: Kim Huy, Yên Xá
5	Phường Thượng Hồng	Các tổ dân phố thuộc phường Minh Đức cũ: Dương Hòa, Thịnh Vạn, Phong Cốc, Sài Phi, Vân An; Các tổ dân phố thuộc phường Bạch Sam cũ: Bến, Phan, Độ, Ngo, Lường.
6	Phường Trần Hưng Đạo	Từ Tổ 1 (Trần Hưng Đạo) đến Tổ 12 (Trần Hưng Đạo); Từ Tổ 1 (Đề Thám) đến Tổ 11 (Đề Thám); Từ Tổ 1 (Quang Trung) đến Tổ 19 (Quang Trung) và Các khu đô thị, khu quy hoạch dân cư mới trên địa bàn Phú Xuân.
7	Phường Thái Bình	Từ Tổ 1 Bồ Xuyên đến Tổ 15 Bồ Xuyên; Từ Tổ 1 Lê Hồng Phong đến Tổ 7 Lê Hồng Phong; Tổ 1+2 Tiên Phong, Tổ 3+4 Tiên Phong, Tổ 5 Tiên Phong đến Tổ 10 Tiên Phong, Tổ 11+12 Tiên Phong, Tổ 13 Tiên Phong đến tổ 18 Tiên Phong, Tổ 19+20 Tiên Phong, Tổ 21+22 Tiên Phong; Khu quy hoạch dân cư mới trên địa bàn phường.
8	Phường Trà Lý	Các khu đô thị, khu quy hoạch dân cư mới, các khu quy hoạch phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thuộc địa bàn phường Trà Lý.
9	Phường Vũ Phúc	Tổ dân phố số 1 đến Tổ dân phố số 9 và các khu quy hoạch dân cư mới, khu quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Các khu dân cư hiện có thuộc các tổ dân phố còn lại trên địa bàn Ủy ban nhân dân phường.
10	Xã Quang Hưng	Các tuyến đường Hòa Bình (thôn Cao Xá), đường Tống Trân, đường La Tiến, đường Phố Cao, phố Nguyễn Công Tiêu, phố Doãn Mậu Đàm, đường 14/8, đường Trần Thị Khang, phố Cúc Hoa, phố Nguyễn Du, phố Lê Hữu Trác; các khu tái định cư, khu dân cư mới đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở trên địa bàn xã.
11	Xã Yên Mỹ	Các thôn: Trai Trang, Đỗ Xá, Đồng La, Nghĩa Trang, Ông Tô.

12	Xã Khoái Châu	Khu dân cư đường ĐT.377, đường ĐT.383, đường ĐT. 384; Khu dân cư mới thôn: Phố Phủ, Phú Hòa, Thị Tứ; Khu dân cư thí điểm mới thôn Đông Kết; Khu dân cư mới Liên Khê; Khu dân cư mới phía đông Trường THCS Đông Kết; Khu dân cư mới giáp trường mầm non Đông Kết; Khu dân cư phía Nam chợ bãi Đông Kết; Khu dân cư mới Đông kết (khu gốc bàng).
13	Xã Như Quỳnh	Toàn bộ địa bàn khu dân cư phố Như Quỳnh
14	Xã Văn Giang	Khu vực phố Văn Giang bao gồm cả khu 4,3ha; Khu dân cư dọc tuyến đường ĐT.377 từ xã Liên Nghĩa cũ đến ĐT.379B thuộc địa bàn 02 thôn Công Luận 1, Công Luận 2; Khu dân cư dọc tuyến đường Đỗ Tông từ đầu ĐT.377 đến ĐT.379A thuộc địa phận thôn Đan nhiễm; Khu đô thị sinh thái Alluvia City Văn Giang 198,3ha.
15	Xã Ân Thi	Khu dân cư dọc tuyến đường ĐH.67 thuộc thôn Bùi Thị Cúc; Khu dân cư dọc tuyến đường QL38 thuộc thôn Phạm Ngũ Lão và thôn Nguyễn Trung Ngạn.
16	Xã Mỹ Sở	Khu dân cư dọc tuyến đường ĐT.25 từ giáp xã Văn Giang đến giao đường ĐT.382 tại thôn Bằng Nha; Khu dân cư dọc tuyến đường ĐT. 378 từ giáp xã Văn Giang đến giáp xã Triệu Việt Vương; Khu dân cư dọc tuyến đường ĐT.382 từ đoạn giao ĐT.378 thôn Thiết Trụ đến giáp xã Hoàn Long.
17	Xã Long Hưng	Tổ dân phố Thị An – Tiền Phong
18	Xã Tiền Hải	Thôn Hùng Thắng, thôn Tiểu Hoàng, thôn số 3, thôn số 5
19	Xã Đông Hưng	Khu vực thôn 1, khu vực thôn 5
20	Xã Quỳnh Phụ	Thôn Quỳnh Côi 1, Thôn Quỳnh Côi 2, Thôn Quỳnh Côi 3, Thôn Quỳnh Côi 4, Thôn Quỳnh Côi 5, Thôn Quỳnh Côi 6
21	Xã Thái Thụy	Các thôn số 01, số 02, số 03, số 04, số 05, số 06, số 07, số 08, số 09
22	Xã Kiến Xương	Các khu vực thôn: Cộng Hoà, Hưng Long, Đông Trung, Quang Trung, Tân Tiến, Thống Nhất 1
23	Xã Vũ Thư	Các thôn: Minh Hòa, An Bình, Minh Hưng, Trung Hưng, Hùng Tiến, Quyết Thắng
24	Xã Hưng Hà	Thôn Nhân cầu 1, Nhân cầu 3
25	Phường Đường Hào	Khu vực nội thị đô thị phường Đường Hào.
26	Các khu vực quy hoạch phát triển đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	